

Số: 15./BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2018

Kính gửi: Hiệu trưởng

Thực hiện Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm tại các trường đại học;

Căn cứ Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2018 ngày 11/3/2019 đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Quản lý chất lượng báo cáo kết quả hoạt động này như sau:

1. Mục đích

- Tìm hiểu tình hình việc làm của sinh viên (SV) được đào tạo tại Trường sau khi tốt nghiệp từ 7-12 tháng.
- Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp.
- Có cơ sở dữ liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo cuối năm, Cục Quản lý chất lượng, phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.
- Biết được chất lượng sinh viên do Trường đào tạo sau tốt nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu việc làm của nhà tuyển dụng ngoài xã hội.

2. Thời gian khảo sát

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2019.

3. Phạm vi khảo sát

- Sinh viên tốt nghiệp sau 7-12 tháng của 34 chuyên ngành đào tạo thuộc 8 Khoa trong Trường, gồm: Khoa Y Dược, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế, Sư phạm, Lý luận Chính trị, Ngoại ngữ, Chăn nuôi TY và Khoa KHTN-CN.
- Thông tin chính cần thu thập: Tình trạng việc làm; làm đúng chuyên môn (CM) được đào tạo hay không; thu nhập trung bình (TB) hàng tháng; sự hài lòng (HL) với khóa học; góp ý đề xuất liên quan đến khóa học.

4. Phương pháp thực hiện

- Mẫu khảo sát: 75% cựu sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp năm 2018.
- Phỏng vấn trực tiếp những cựu sinh viên đã tốt nghiệp bằng điện thoại.
- Trong quá trình phỏng vấn, ghi ngay thông tin kết quả vào phiếu khảo sát.
- Nhập, lưu trữ và xử lý kết quả khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- Viết báo cáo kết quả sau khi xử lý dữ liệu.

5. Thuận lợi và khó khăn

+ Thuận lợi:

- Được tạo điều kiện của Lãnh đạo Trường và Phòng.
- Được sự hỗ trợ nhiệt tình của cán bộ trong Phòng.
- Được sự hỗ trợ của các đơn vị liên quan trong Trường.
- Sự cung cấp thông tin nhiệt tình, trung thực, thẳng thắn của các cựu sinh viên.

+ Khó khăn:

- Một số cựu sinh viên đổi số điện thoại nên chưa liên lạc trực tiếp được.
- Một số cựu sinh viên không nghe máy và cũng không gọi lại.
- Có số ít cựu SV trả lời điện thoại với thái độ khiếm nhã.
- Quá trình khảo sát, nhập, xử lý dữ liệu và viết báo cáo tốn khá nhiều thời gian.

6. Kết quả và thảo luận

Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2019, chúng tôi đã khảo sát được 1546 cựu sinh viên (gồm 505 nam, 1041 nữ, và 186 người đồng bào dân tộc thiểu số) của 8 Khoa với 34 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học. Kết quả tình hình việc làm chung của cựu sinh viên xếp theo các Khoa trong toàn Trường như sau:

Bảng 1: Tình hình việc làm của cựu SV xếp theo Khoa trong toàn Trường

| S T T | Khoa | Số ngành được khảo sát | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|-----------|------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Y Dược | 2 | 210 | 142 67,6% | 68 32,4% | 137 96,5% | 5 3,5% | 5,6 | 137 96,5% | 5 3,5% |
| 2 | Nông Lâm | 6 | 220 | 160 72,7% | 60 27,3% | 94 58,8% | 66 41,2% | 5,2 | 158 98,8% | 2 1,2% |
| 3 | Kinh tế | 6 | 288 | 240 83,3% | 48 16,7% | 147 61,3% | 93 38,7% | 5,3 | 233 97,1% | 7 2,9% |
| 4 | Sư phạm | 6 | 243 | 192 79,0% | 51 21,0% | 107 55,7% | 85 44,3% | 4,9 | 192 100% | 0 0% |
| 5 | L luận CT | 2 | 66 | 37 56,1% | 29 43,9% | 3 8,1% | 34 91,9% | 4,5 | 37 100% | 0 0% |
| 6 | Ngoại ngữ | 2 | 89 | 81 91,0% | 8 9,0% | 63 77,8% | 18 22,3% | 5,1 | 81 100% | 0 0% |
| 7 | CN TY | 2 | 146 | 141 96,6% | 5 3,4% | 114 80,9% | 27 19,1% | 6,8 | 141 100% | 0 0% |
| 8 | KHTN -CN | 8 | 284 | 211 74,3% | 73 25,7% | 149 70,6% | 62 29,4% | 5,5 | 210 99,5% | 1 0,5% |
| TỔNG/TB | | 34 | 1546 | 1204 77,9% | 342 22,1% | 814 76,7% | 390 32,3% | 5,4 | 1189 98,8% | 15 1,2% |

Kết quả Bảng 1 cho thấy cựu sinh viên Khoa Chăn nuôi Thú y tốt nghiệp đã đi làm chiếm tỷ lệ cao nhất đạt 96,6%, làm đúng chuyên môn chiếm 80,9% với mức thu nhập TB là 6,8 triệu đồng/tháng, đồng thời số cựu sinh viên hài lòng với khóa học đạt 100%.

Khoa Ngoại ngữ có số lượng sinh viên tốt nghiệp đã đi làm chiếm tỷ lệ cao thứ hai đạt 91,0%, làm đúng chuyên môn là 77,8%, mức thu nhập TB là 5,1 triệu đồng/tháng, số sinh viên hài lòng với khóa học đạt 100%.

Đứng thứ ba trong nhóm bảng là Khoa Kinh tế có tỷ lệ số sinh viên đã đi làm đạt 83,3%, làm đúng chuyên môn chiếm 61,3% với mức thu nhập TB 5,3 triệu đồng/tháng, số sinh viên hài lòng với khóa học đạt 97,1%.

Khoa Lý luận Chính trị có số cựu sinh viên đã đi làm đạt tỷ lệ thấp nhất chỉ 56,1%, làm đúng chuyên môn 8,1% với mức thu nhập trung bình 4,5 triệu đồng/tháng, số sinh

viên hài lòng với khóa học đạt 100%. Những Khoa khác có tỷ lệ cựu sinh viên đã đi làm đạt từ 67,6% đến 79,0%.

Tổng số cựu sinh viên của 34 ngành trong 8 Khoa toàn Trường đạt trung bình 77,9% đã có việc làm, làm đúng chuyên môn được đào tạo chiếm 76,7%, làm trái ngành chiếm 32,3%, thu nhập TB là 5,4 triệu đồng/tháng, tỷ lệ cựu sinh viên hài lòng với khóa học đạt 98,8%.

Kết quả tình hình việc làm của cựu sinh viên xếp theo ngành của các Khoa như sau:

6.1. Khoa Y Dược

Khoa Y Dược đào tạo 2 ngành là Y đa khoa hệ tập trung 6 năm và Cử nhân Điều dưỡng 4 năm, kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Y Dược

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Y Đa khoa | 155 | 105 66,7% | 50 32,3% | 105 100% | 0 0% | 6,5 | 102 97,1% | 3 2,9% |
| 2 | Điều dưỡng | 55 | 37 67,3% | 18 32,7% | 32 86,5% | 5 13,5% | 4,6 | 35 94,6% | 2 5,4% |
| TỔNG/TB | | 210 | 142 67,6% | 68 32,4% | 137 96,5% | 5 3,5% | 5,6 | 137 96,5% | 5 3,5% |

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy cựu sinh viên ngành Y đa khoa có tỷ lệ việc làm đạt 66,7% và 100% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB là 6,5 triệu đồng/tháng. Một số cựu sinh viên chưa đi làm vì đang chờ việc có thu nhập cao hơn (chiếm 5,8%). Số còn lại các em chưa đi làm vì đang học tiếp Cao học để nâng cao trình độ chuyên môn (chiếm 20,6%). Số sinh viên hài lòng với khóa học đạt 97,1%.

Ngành Điều dưỡng có số sinh viên đi làm đạt 67,3%, làm đúng chuyên môn đạt 86,5% và thu nhập TB 4,6 triệu đồng/tháng. Số sinh viên hài lòng với khóa học đạt 94,6%. Một số cựu sinh viên chưa đi làm vì đang theo học nghề tại các bệnh viện để lấy chứng chỉ hành nghề mới được làm việc (chiếm 25,5%).

6.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

Khoa Nông Lâm nghiệp đào tạo 6 ngành là Lâm sinh, Quản lý Đất đai (ĐĐ), Quản lý Tài nguyên rừng (QLTNR), Khoa học Cây trồng (KHCT), Bảo vệ Thực vật (BVTV) và Công nghệ Sau thu hoạch (CNSTH). Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Nông Lâm nghiệp

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Lâm sinh | 25 | 17 68,0% | 8 32,0% | 6 35,3% | 11 64,7% | 4,0 | 17 100% | 0 0% |
| 2 | Quản lý ĐĐ | 40 | 28 70,0% | 12 30,0% | 18 64,0% | 10 36,0% | 4,7 | 27 96,0% | 1 4,0% |
| 3 | QL TNR | 28 | 16 57,1% | 12 42,9% | 3 19,0% | 13 81,0% | 4,6 | 16 100% | 0 0% |
| 4 | KHCT | 49 | 32 65,3% | 17 34,7% | 22 69,0% | 10 31,0% | 6,4 | 31 97,0% | 1 3% |
| 5 | BVTV | 53 | 48 90,6% | 5 9,4% | 32 66,7% | 16 33,3% | 5,6 | 48 100% | 0 0% |
| 6 | CN STH | 25 | 19 76,0% | 6 24,0% | 13 68,4% | 6 31,6% | 5,9 | 19 100% | 0 0% |
| TỔNG/TB | | 220 | 160 72,7% | 60 27,3% | 94 58,8% | 66 41,2% | 5,2 | 158 98,8% | 2 1,2% |

Trong các chuyên ngành đào tạo của Khoa Nông Lâm nghiệp thì ngành Bảo vệ Thực vật có tỷ lệ cựu sinh viên đi làm cao nhất đạt 90,6%, làm đúng chuyên môn là 66,7%, thu nhập TB 5,6 triệu đồng/tháng, có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Xếp thứ hai là ngành Công nghệ STH có tỷ lệ việc làm đạt 76,0%, có 68,4% số sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB là 5,9 triệu đồng/tháng và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Đứng thứ ba là ngành Quản lý Đất đai có tỷ lệ việc làm đạt 70,0% với 64,0% số sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo, số sinh viên hài lòng với khóa học là 96,0%.

Ngành Quản lý TNR có tỷ lệ cựu sinh viên đã đi làm thấp nhất, chỉ đạt 57,1%; làm đúng chuyên môn là 19,0% và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

6.3. Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế đào tạo 6 ngành là Kinh tế Nông nghiệp, Kế toán, Quản trị Kinh doanh (QTKD), Quản trị Kinh doanh Thương mại (QTKDTM), Tài chính Ngân hàng (TCNH) và Kinh tế. Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành của Khoa Kinh tế

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|-------------|------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Kinh tế NN | 49 | 42 85,7% | 7 14,3% | 11 26,2% | 31 73,8% | 5,5 | 40 95,2% | 2 4,8% |
| 2 | Kế toán | 67 | 58 86,6% | 9 13,4% | 40 69,0% | 18 31,0% | 4,9 | 57 98,3% | 1 1,7% |
| 3 | QTKD | 52 | 44 84,6% | 8 15,4% | 30 68,2% | 14 31,8% | 5,8 | 42 95,5% | 2 4,5% |
| 4 | QTKD TM | 18 | 16 88,9% | 2 11,1% | 15 93,8% | 1 6,2% | 5,3 | 16 100% | 0 0% |
| 5 | TCNH | 60 | 46 76,7% | 14 23,3% | 26 57,0% | 20 43,0% | 6,0 | 44 96,0% | 2 4,0% |
| 6 | Kinh tế | 42 | 34 81,0% | 8 19,0% | 25 73,5% | 9 26,5% | 4,5 | 34 100% | 0 0% |
| TỔNG | | 288 | 240 83,3% | 48 16,7% | 147 61,3% | 93 38,7% | 5,3 | 233 97,1% | 7 2,9% |

Sinh viên các ngành của Khoa Kinh tế có tỷ lệ đi làm tương đối cao, đứng đầu là ngành Quản trị KDTM có 88,9% số sinh viên đã đi làm, làm đúng chuyên môn là 93,8% và thu nhập TB 5,3 triệu đồng/tháng, có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Đứng thứ hai là ngành Kế toán có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đạt 86,6% với số SV làm đúng chuyên môn là 69,0% và thu nhập TB 4,9 triệu đồng/tháng, có 98,3% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Đứng thứ ba là ngành Kinh tế Nông nghiệp có 85,7% số sinh viên đã đi làm, làm đúng chuyên môn 26,2% và thu nhập TB 5,5 triệu đồng/tháng và có 95,2% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Những ngành còn lại có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đều đạt từ 76,7% đến 84,6%.

6.4. Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm đào tạo 6 ngành là Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học Tiếng Jrai (GDTH Jrai), Giáo dục Mầm non (GD Mầm non) và Giáo dục Thể chất (GDTC). Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành của Khoa Sư phạm

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|-------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | SP Ngữ văn | 44 | 32 72,7% | 12 27,3% | 12 37,5% | 20 62,5% | 5,5 | 32 100% | 0 0% |
| 2 | Văn học | 28 | 25 89,3% | 3 10,7% | 7 28,0% | 18 72,0% | 5,9 | 25 100% | 0 0% |
| 3 | GD Tiểu học | 46 | 42 91,3% | 4 8,7% | 32 76,2% | 10 23,8% | 5,2 | 42 100% | 0 0% |
| 4 | GDTH Jrai | 47 | 31 66,0% | 16 34,0% | 18 58,1% | 13 41,9% | 4,4 | 31 100% | 0 0% |
| 5 | GDMầm non | 51 | 45 88,2% | 6 11,8% | 37 82,2% | 8 17,8% | 4,1 | 45 100% | 0 0% |
| 6 | GDTC | 27 | 17 63,0% | 10 37,0% | 1 6,0% | 16 94,0% | 4,1 | 17 100% | 0 0% |
| TỔNG/TB | | 243 | 192 79,0% | 51 21,0% | 107 55,7% | 85 44,3% | 4,9 | 192 100% | 0 0% |

Ngành Giáo dục Tiểu học của Khoa Sư phạm có số sinh viên đã đi làm đạt tỷ lệ cao nhất với 91,3%, trong đó có 76,2% làm đúng chuyên môn, thu nhập TB 5,2 triệu đồng/tháng và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Tiếp đến là ngành Văn học có số cựu sinh viên có việc làm đạt 89,3%, làm đúng chuyên môn chỉ 28%, thu nhập TB 5,9 triệu đồng/tháng và 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Ngành GD Mầm non đứng thứ ba với 88,2% số sinh viên đã có việc làm, làm đúng chuyên môn 82,2%, thu nhập TB 4,1 triệu đồng/tháng và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Ngành GD Thể chất có tỷ lệ cựu sinh viên đã đi làm thấp nhất với 63,0% và chỉ có 6,0% các em làm đúng chuyên môn, 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

6.5. Khoa Lý luận Chính trị

Khoa Lý luận Chính trị đào tạo 2 ngành là Giáo dục Chính trị và Triết học. Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành của Khoa Lý luận Chính trị

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|--------------|-------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | GD Chính trị | 47 | 25 53,2% | 22 46,8% | 2 8,0% | 23 92,0% | 5,3 | 25 100% | 0 0% |
| 2 | Triết học | 19 | 12 63,2% | 7 36,8% | 1 8,0% | 11 92,0% | 3,7 | 12 100% | 0 0% |
| TỔNG/TB | | 66 | 37 56,1% | 29 43,9% | 3 8,0% | 34 92,0% | 4,5 | 37 100% | 0 0% |

Trong số 2 ngành được đào tạo của Khoa Lý luận Chính trị thì ngành Triết học có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đạt 63,2% với chỉ có 8% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 3,7 triệu đồng/tháng và 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Ngành GD Chính trị có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đạt 53,2% với 8% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 5,3 triệu đồng/tháng và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

6.6. Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ đào tạo 2 ngành là Sư phạm Tiếng Anh (SP Anh) và Ngôn ngữ Anh (NN Anh). Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 7: Tình hình việc làm của cựu SV xếp theo ngành của Khoa Ngoại ngữ

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|--------|-------------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | SP Anh | 43 | 41 95,3% | 2 4,7% | 35 85,4% | 6 14,6% | 5,3 | 41 100% | 0 0% |
| 2 | NN Anh | 46 | 40 87,0% | 6 13,0% | 28 70,0% | 12 30,0% | 4,8 | 40 100% | 0 0% |
| TỔNG/TB | | 89 | 81 91,0% | 8 9,0% | 63 77,8% | 18 22,2% | 5,1 | 81 100% | 0 0% |

Sinh viên cả 2 ngành của Khoa Ngoại ngữ đã đi làm có tỷ lệ cao. Ngành Sư phạm Tiếng Anh có số cựu sinh viên đã đi làm đạt 95,3%, làm đúng chuyên môn chiếm 85,4%, thu nhập TB 5,3 triệu đồng/tháng và có 100% sinh viên hài lòng với khóa học.

6.7. Khoa Chăn nuôi Thú y

Khoa Chăn nuôi Thú y đào tạo 2 ngành là ngành Chăn nuôi và Thú y. Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 8: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành của Khoa Chăn nuôi TY

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|-----------|-------------------------|---------------------|-------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Chăn nuôi | 75 | 73 97,3% | 2 2,7% | 59 80,8% | 14 19,2% | 6,3 | 73 100% | 0 0% |
| 2 | Thú y | 71 | 68 95,8% | 3 4,2% | 55 80,9% | 13 19,1% | 7,2 | 68 100% | 0 0% |
| TỔNG/TB | | 146 | 141 96,6% | 5 3,4% | 114 80,9% | 27 19,1% | 6,8 | 141 100% | 0 0% |

Hiện nay, cựu sinh viên ngành Chăn nuôi Thú y có tỷ lệ việc làm cao nhất trong số 34 ngành đào tạo của 8 Khoa toàn Trường. Số sinh viên đã đi làm của ngành Chăn nuôi đạt 97,3%, làm đúng chuyên môn là 80,8% với mức thu nhập TB là 6,3 triệu đồng/tháng, có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Một số sinh viên ngành Thú y đang học năm thứ 4 đã đi làm có thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng (chiếm 11,3%).

6.8. Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ

Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ đào tạo 8 ngành là Sư phạm (SP) Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Kỹ thuật Môi trường (CN KTMT) và Công nghệ Thông tin. Kết quả tình hình việc làm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 9: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành của Khoa KHTN-CN

| STT | Ngành | Số cựu SV được khảo sát | Số SV đã đi làm | Số SV chưa đi làm | Làm đúng chuyên môn | Làm không đúng CM | Thu nhập TB (triệu đ/tháng) | Hài lòng với khóa học | Chưa HL với khóa học |
|----------------|-----------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | SP Toán | 37 | 32 86,5% | 5 13,5% | 29 91,0% | 3 9,0% | 5,0 | 32 100% | 0 0% |
| 2 | SP Vật lý | 49 | 37 75,5% | 12 24,5% | 30 81,1% | 7 18,9% | 4,9 | 37 100% | 0 0% |
| 3 | SP Hóa học | 25 | 22 88,0% | 3 12,0% | 20 90,9% | 2 9,1% | 5,0 | 22 100% | 0 0% |
| 4 | SP Sinh học | 29 | 22 75,9% | 7 24,1% | 8 36,4% | 14 63,6% | 5,6 | 22 100% | 0 0% |
| 5 | Sinh học | 43 | 30 69,8% | 13 30,2% | 19 63,3% | 11 36,7% | 6,9 | 30 100% | 0 0% |
| 6 | C nghệ Sinh học | 26 | 19 73,1% | 7 26,9% | 15 78,9% | 4 21,1% | 6,1 | 19 100% | 0 0% |
| 7 | C nghệ KTMT | 36 | 21 58,3% | 15 41,7% | 6 28,6% | 15 71,4% | 4,5 | 21 100% | 0 0% |
| 8 | C nghệ Th tin | 39 | 28 71,8% | 11 28,2% | 22 78,6% | 6 21,4% | 6,2 | 27 96,4% | 1 3,6% |
| TỔNG/TB | | 284 | 211 74,3% | 73 25,7% | 149 70,6% | 62 29,4% | 5,5 | 210 99,5% | 1 0,5% |

Ngành SP Hóa học có tỷ lệ cựu sinh viên đã đi làm đạt cao nhất với 88,0%, trong đó có 90,9% số sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 5,0 triệu đồng/tháng và có 100% sinh viên hài lòng với khóa học.

Đứng thứ hai là ngành SP Toán học với 86,5% sinh viên đã đi làm, có 91,0% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 5,0 triệu đồng/tháng, có 100% sinh viên hài lòng với khóa học.

Đứng thứ ba là ngành SP Sinh học với 75,9% số sinh viên đã có việc làm, nhưng chỉ 36,4% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 5,6 triệu đồng/tháng và có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Ngành Công nghệ KTMT có số sinh viên đi làm thấp nhất, chỉ đạt 58,3% với 28,6% làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 4,5 triệu đồng/tháng có 100% số sinh viên hài lòng với khóa học.

Những ngành khác có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đều đạt từ 69,8% đến 75,5%.

7. Nhận xét chung

Trường Đại học Tây Nguyên rất quan tâm đến vấn đề việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp. Việc thực hiện khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp nhằm biết được chất lượng sinh viên do Trường đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đổi mới giáo dục đại học, nhất là việc cung cấp các sản phẩm đào tạo đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

Một số ngành có số cựu sinh viên đã đi làm đạt tỷ lệ cao là ngành Chăn nuôi, Thú y, Quản trị KDTM, Kế toán, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, Bảo vệ Thực vật, GD Tiểu học, Văn học và Sư phạm Hóa học,...

Những thông tin do các cựu sinh viên cung cấp sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá thực trạng tình hình việc làm của họ sau tốt nghiệp, cũng như tính phù hợp của chương trình giáo dục đại học với thực tiễn. Thông qua đó, Nhà trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo, nội dung môn học nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người học và thực tế.

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sẽ là cơ sở dữ liệu quan trọng để Trường biết được chất lượng sản phẩm đào tạo của mình, có số liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý chất lượng, đồng thời bổ sung thông tin vào Báo cáo Tự đánh giá cấp Trường, cấp Chương trình đào tạo để chuẩn bị đánh giá ngoài trong thời gian tới.

8. Đề xuất, kiến nghị

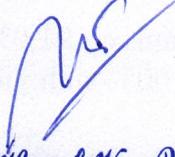
Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp là một hoạt động thường xuyên hàng năm, kết quả thu được rất có ý nghĩa đối với hoạt động đào tạo, uy tín của Trường ngày càng được nâng cao.

Trường cần mở rộng quy mô đào tạo những ngành sinh viên sau tốt nghiệp có việc làm đạt tỷ lệ cao; một số ngành có tỷ lệ việc làm thấp, làm không đúng chuyên ngành cần điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu xã hội.

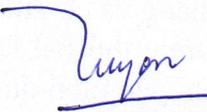
Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các PHT (Để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (Để biết);
- Lưu: QLCL.

TRƯỞNG PHÒNG


TH.S. Huỳnh Văn Đức

NGƯỜI BÁO CÁO


Lý Ngọc Tuyên